

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26-02-2021

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi
con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc;

Ông Nguyễn Trường Hận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 809/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Tuyết L, sinh năm 1990 (xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn B, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 11 năm 2020 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, nguyên đơn bà Trương Tuyết L trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Do có người làm mai nên bà L và ông B có thời gian quen biết, tìm hiểu nhau nên bà L và ông B kết hôn với nhau vào năm 2011, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Lộc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vào năm 2011. Khi mới kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông B thường chửi bới và mâu thuẫn

trong vấn đề tiền bạc trong gia đình nên vợ chồng xảy ra cự cãi thường xuyên và có lúc ông B hâm đòi đâm, đòi giết vợ, hiện tại vợ chồng sống ly thân từ tháng 10 năm 2020 cho đến nay. Khi ly thân cha mẹ hai bên cũng không nói gì vì ông B cự cãi rồi chửi nhau với cha vợ nên bà L không thể chung sống với ông B. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không đạt được hạnh phúc, cuộc sống chung vợ chồng không thể tiếp tục duy trì vì vợ chồng sống chung mà ông B cứ hâm chém, hâm giết nên bà Trương Tuyết L xin được ly hôn với ông Phạm Văn B.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Phạm Trương Quỳnh A, sinh ngày 09/9/2012 (nữ), khi ly hôn bà L yêu cầu được nuôi dưỡng và chăm sóc con là Phạm Trương Quỳnh A.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ thu và nợ trả: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản hòa giải ngày 16 tháng 12 năm 2020 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, bị đơn ông Phạm Văn B trình bày:*

- Về hôn nhân: Do có người làm mai nên ông B và bà L có thời gian quen biết, tìm hiểu nhau nên ông B và bà L kết hôn với nhau vào năm 2011, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Lộc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc chi tiêu trong gia đình, đôi lúc vợ chồng cự cãi qua lại với nhau và có lúc nóng giận có nói tao chém mày, tao giết mày, có lúc cũng có cự cãi nhau với cha vợ, hiện tại vợ chồng đã tự nguyện sống ly thân từ tháng 10 năm 2020 cho đến nay. Xét thấy, con còn nhỏ nên ông B không đồng ý ly hôn với bà L để con có cha, có mẹ cuộc sống của con phát triển tốt hơn. Tuy nhiên, vợ chồng vẫn tiếp tục sống ly thân, mỗi người tự làm lo làm ăn riêng, chủ yếu trên danh nghĩa vẫn là vợ chồng để không ảnh hưởng đến con.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Phạm Trương Quỳnh A, sinh ngày 09/9/2012 (nữ). Ông B không đồng ý ly hôn với bà L nhưng Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông B đồng ý giao con chung là Phạm Trương Quỳnh A cho bà L được nuôi dưỡng và chăm sóc con, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ thu và nợ trả: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Trương Tuyết L có đơn xin xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Bị đơn ông Phạm Văn B đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông B là đúng với quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Bà L và ông B có thời gian quen biết, tìm hiểu nhau nên bà L và ông B kết hôn với nhau vào năm 2011, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Lộc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vào năm 2011 theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 18 ngày 03 tháng 3 năm 2011. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của bà L và ông B được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ thời điểm đăng ký.

Xét thấy, bà L xin ly hôn với ông B là vì trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông B thường chửi bới và mâu thuẫn trong vấn đề tiền bạc trong gia đình nên vợ chồng xảy ra cự cãi thường xuyên và có lúc ông B hăm dọa đâm, đòi giết vợ, hiện tại vợ chồng sống ly thân từ tháng 10 năm 2020 cho đến nay. Khi ly thân cha mẹ hai bên cũng không nói gì vì ông B cự cãi rồi chửi nhau với cha vợ nên bà L không thể chung sống với ông B. Ông B cho rằng con còn nhỏ nên ông B không đồng ý ly hôn với bà L để con có cha, có mẹ cuộc sống của con phát triển tốt hơn, nhưng vợ chồng vẫn tiếp tục sống ly thân, mỗi người tự làm lo làm ăn riêng, chủ yếu trên danh nghĩa vẫn là vợ chồng để không ảnh hưởng đến con. Tuy nhiên, ông B đã được Tòa án thông báo hòa giải lần thứ hai để hòa giải động viên hàn gắn quan hệ hôn nhân giữa bà L với ông B, nhưng ông B vắng mặt, từ đó cho thấy ông B không có thiện chí mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân giữa bà L với ông B. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L. Bà L được ly hôn với ông B theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Phạm Trương Quỳnh A, sinh ngày 09/9/2012 (nữ), hiện con đang sống chung với bà L. Khi ly hôn bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc con. Ông B có ý kiến, trường hợp Tòa án xét xử cho ly hôn thì con chung là cháu Quỳnh A ông B đồng ý

giao cho bà L chịu trách nhiệm nuôi dưỡng và chăm sóc con. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con, Tòa án đã làm việc trực tiếp với cháu Phạm Trương Quỳnh A thì cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ nên Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của cháu, giao con tên Phạm Trương Quỳnh A, sinh ngày 09/9/2012 (nữ) cho bà L được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc.

Ông B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự *“Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng, người khởi kiện yêu cầu ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp nhận cho ly hôn đều phải chịu án phí nên bà L phải chịu nộp 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trương Tuyết L. Bà Trương Tuyết L được ly hôn với ông Phạm Văn B.

2. Về nuôi con chung: Giao cho bà Trương Tuyết L nuôi dưỡng và chăm sóc 01 người con tên Phạm Trương Quỳnh A, sinh ngày 09/9/2012 (nữ).

Ông B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng, bà L phải chịu nộp án phí 300.000 đồng, bà L có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004313 ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu, không phải nộp tiếp.

“Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H.Trần Văn Thời;
- UBND xã Khánh Lộc, H.Trần Văn Thời;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tạo